



shí huī

石灰

noun · lime (calcium oxide)

Example Sentences

Gōng rén zài qiáng shàng shuā le yī céng shí huī
工人在墙上刷了一层石灰。

The worker applied a layer of lime on the wall.

Shí huī shì jiàn zhù zhōng cháng yòng de cái liào zhī yī
石灰是建筑中常用的材料之一。

Lime is one of the commonly used materials in construction.

Trace each character, then write the word on your own.

石	石	石	石	石	石	石	石				
灰	灰	灰	灰	灰	灰	灰	灰	灰			